

UBND PHƯỜNG HẢI CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

Số: 23/TTr-MN19/5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hải Châu, ngày 26 tháng 8 năm 2025

TỜ TRÌNH

Về việc đề nghị phê duyệt giá dịch vụ năm học : 2025 -2026

Kính gửi: UBND Phường Hải Châu

Căn cứ vào Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 01 tháng 07 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Hải Châu về việc thành lập Trường Mầm non 19/5 thuộc phường Hải Châu;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2022/NQ-HĐND ngày 15/12/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố Đà Nẵng quy định các khoản thu dịch vụ hỗ trợ các hoạt động giáo dục đối với cơ sở hoạt động giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ công văn số 583/SGDĐT- KHTC ngày 13 tháng 08 năm 2025 của Sở Giáo Dục Đào Tạo về việc thực hiện các khoản thu, chế độ chính sách , giá dịch vụ và thực hiện công khai các nội dung NH 2025-2026 ;

Căn cứ biên bản họp phụ huynh học sinh ngày 25.8.2025.

Căn cứ vào tình hình thực tế của nhà trường;

Nay Trường Mầm non 19/5 kính trình UBND Phường Hải Châu phê duyệt giá dịch vụ năm học 2025-2026, cụ thể như sau:

- Bán trú năm học 2025 -2026:

Tiền ăn 22 ngày x 42.000đồng : 924.000 đồng

Tiền chất đốt, phụ phí: : 88.000 đồng

Phục vụ bán trú : : 276.000 đồng

Lương Cấp dưỡng : 129.000 đồng

Học phí thứ 7 : : 366.000 đồng / 3 tuần

Học thứ 7 : 1.783.000 đ/ tháng

Không học thứ 7 : 1.417.000 đ /tháng

- Năng khiếu năm học 2025-2026:

Họa : 60.000 đ/ tháng

Erobic : 60.000 đ/ tháng

Anh văn : 60.000 đ/ tháng

Đồ dùng bán trú năm học 2025-2026:

Học Sinh Mới : 300.000 đ / 1 năm

Học sinh cũ : 200.000 đ / 1 năm

Trường Mầm non 19/5 kính đề nghị UBND phường Hải Châu quan tâm, phê duyệt giá dịch vụ năm học 2025-2026 để đảm bảo các hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ trong năm học tại trường được thuận lợi hơn./.

Nơi nhận:

- UBND phường Hải Châu;
- Lưu: HS giá dịch vụ, VT.



HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Bích Trâm

Ý kiến UBND phường Hải Châu

GIÁ DỊCH VỤ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TỔ CHỨC BÁN TRÚ
NĂM HỌC 2025-2026

I. Số liệu cơ bản:

Tổng số học sinh:	400	
Tổng số lớp học bán trú	400	
Trong đó: Nhà trẻ : 05 lớp; Mẫu giáo: 10 lớp	80	320

II. Bảng thuyết minh:

ĐVT: đồng

Mục	Nội dung chi	ĐVT	Số ngày ăn	Thành tiền
I	Bữa ăn (tính cho 1 ngày ăn x 22 ngày)	42,000		369,600,000
1	Bữa ăn khối nhà trẻ (42.000đ x 22 ngày)		924,000	73,920,000
	Buổi sáng : Ăn sáng : 7.500đồng + uống sữa: 5.000đồng	12,500	22	22,000,000
	Buổi trưa: Tráng miệng: 4.500đồng, Ăn trưa: 12.500đồng (com, canh , mặn)	17,000	22	29,920,000
	Buổi xế: Ăn xế: 7.500 +5.000 sữa	12,500	22	22,000,000
2	Bữa ăn khối Mẫu giáo (42.000đ x 22 ngày)		924,000	295,680,000
	Buổi sáng : Ăn sáng : 7.500đồng , sữa : 7.000 đồng	14,500	22	102,080,000
	Buổi trưa: Ăn trưa: 14.500đồng + nước trái cây hoặc tráng miệng: 4.500 đồng, gạo : 1.000 đ	20,000	22	140,800,000
	Buổi xế: Ăn xế: 7.500đồng	7,500	22	52,800,000
3	Chăm sóc nuôi dưỡng		405,000	162,032,700
	Chăm sóc nuôi dưỡng		405,000	162,032,700

Để tính được khoản này yêu cầu các trường làm các bước như sau:

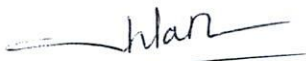
Số người hưởng lương	người	49	
Hệ số lương bình quân toàn ngành (bao gồm HSL ngạch bậc+.....) của giáo viên, NV cấp dưỡng, văn thư, y tế, bảo vệ). Hệ số lương thấp nhất là 2,5; hệ số lương cao nhất là 4,98/2-> HS bình quân là 5.13	hệ số	5.13	
Tính tiền hưởng 1 giờ (tính 150%), số giờ trong tháng là 176 giờ = 22 ngày	đồng	49,500	

Xây dựng tiền lương tăng thêm theo từng đối tượng:

Bộ phận trực tiếp: 85% (tính tỉ lệ trách nhiệm)	Số giờ tăng trong tháng	Số tiền tính 1 giờ	
Số giờ tăng/tháng, trong đó	1,804	49,500	
33 GV làm thêm giờ phục vụ bán trú (sáng từ 6g30 đến 17g30 nghỉ trưa 30 phút: tăng 2h/ ngày x 22 ngày = 44h / cô)	1,452	49,500	71,874,000

	08 CD nấu (sáng từ 5 giờ 00 đến 16 giờ 30 : nghỉ trưa 30 phút tăng 2h /ngày x 22 ngày= 44 giờ)	352	49,500	17,424,000
	Lương Cấp dưỡng			51,600,000
	Cộng bộ phận trực tiếp			140,898,000
	Bộ phận gián tiếp: 15%/....(6.95)	Tỷ lệ từng người	Số tiền hưởng	Thành tiền
	Hiệu trưởng	1.3	2,836,872	3,687,934
	P.Hiệu trưởng	1.15	2,836,872	3,262,403
	P.Hiệu trưởng	1.15	2,836,872	3,262,403
	Kế toán	1.15	2,836,872	3,262,403
	Thủ quỹ	1	2,836,872	2,836,872
	Bảo vệ (2 người)	1.0	2,836,872	2,836,872
	Văn thư	0.7	2,836,872	1,985,811
	Cộng bộ phận gián tiếp	7.45		21,134,700
5	Chi phí khác		88,000	35,200,000
	Gas nấu, chất đốt: kg /30 trẻ / tháng	400	39,000	14,000,000
	Tiền điện : 100Kw/ lớp /tháng	15	2,391	5,500,000
	Tiền nước (6.000.000đ/tháng x4 tháng/9 tháng =2.700.000đ) (Trung bình thu 1 tháng)	400	8,000	2,700,000
	Tiền rác : 2M3/trẻ /tháng	400	1,025	900,000
	Tiền tăng cường cơ sở vật chất (bảo trì tời, sửa chữa nhỏ: thay bánh xe,tủ, xô, hàn xe đẩy cơm, sửa máy xay thịt, máy rau củ, tủ sấy, vòi nước, bóng đèn, dây điện bếp, các lớp, đường ống thoát nước, bảo trì và vệ sinh máy lạnh..) Mua sắm đồ dùng phục vụ bán trú			2,000,000
	Tiền vật dụng vệ sinh (Vim WC, nước lau sàn nhà, giấy vệ sinh, xà phòng Omo, nước rửa chén, bao rác, găng tay, xà phòng rửa tay,			9,000,000
	Tạp đề , mũ , khẩu trang , đồ phục vụ (8 CD x300.000 đ)			300,000
	Khám sức khỏe cho CD			400,000
	Phần mềm , hóa đơn bán trú			400,000
II. Bảng tính giá dịch vụ bán trú				
3	Mức giá dịch vụ Bán trú/1học sinh/tháng (làm tròn)			1,417,000
Trong đó	Tiền ăn/học sinh/tháng			924,000
	Tiền lương cấp dưỡng/học sinh/tháng			129,000
	Tiền TGPVBT/học sinh/tháng			276,000
	Tiền phụ phí/học sinh/tháng			88,000

Kế toán



Nguyễn Thị Lan



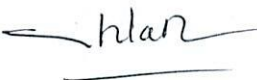
Hiệu trưởng


Lê Thị Bích Trâm

BẢNG TÍNH LƯƠNG NHÂN VIÊN CẤP DƯỠNG
NĂM HỌC 2025-2026(Từ tháng 9 -12/2025, từ tháng 1.2026 đến tháng 5.2026)
9 tháng

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	Số học sinh	HS lương	% tăng	Số tiền % tăng	21,5% BH	2% KP CĐ	Tiền lương 1 tháng	Tiền lương 9 tháng	Hưởng lương 9 tháng			Số tiền phải thu 1 HS/tháng
											Ngân Sách	Học phí	phục vụ	
			400											
1	Phan Thị Hương	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
2	Nguyễn Thị NHựt	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
3	Bùi Thị Phụng	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
4	Đỗ Hữu Minh Kim	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
5	Ngô Thị Lan Phương	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
6	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	Y tế	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
7	Huỳnh Uyên Linh	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
8	Nguyễn Thị Kim Oanh	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
9	Võ Thị Bích Châu	C, dưỡng	400	4,410,000	7%	308,700	1,014,521	0	5,733,221	51,598,985			51,598,985	14,333
	Cộng			39,690,000		2,778,300	9,130,685	0	51,598,985	464,390,861	0	0	464,390,861	128,997

Kê toán



Nguyễn Thị Lan


Hiệu trưởng
Lê Thị Bích Trâm

PHỤ LỤC THUYẾT MINH CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ
DẠY 3 NGÀY THỨ BẢY/ THÁNG
NĂM HỌC 2025-2026

A. Số liệu cơ bản

Tổng số học sinh:

250

Số lớp bán trú: 13

B. Bảng thuyết minh

Mục	Nội dung chi	ĐVT	Số người	Số tiền	Số ngày	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp					79,500,000
1	Chi phí tiền ăn bán trú	Tháng				31,500,000
1a	Bữa ăn Mẫu Giáo					20,790,000
	Bữa sáng (14.500 đ x 3 ngày)		165	14,500	3	7,177,500
	Bữa trưa (20.000 đ x 3 ngày)		165	20,000	3	9,900,000
	Bữa xế (7.500 đ x 3 ngày)		165	7,500	3	3,712,500
1b	Bữa ăn Nhà Trẻ					10,710,000
	Bữa sáng (12.500 đ x 3 ngày)		85	12,500	3	3,187,500
	Bữa trưa (17.000 đ x 3 ngày)		85	17,000	3	4,335,000
	Bữa xế (12.500 đ x 3 ngày)		85	12,500	3	3,187,500
2	Chi phí nhân công trực tiếp	Tháng			Số tháng	48,000,000
	Bộ phận trực tiếp (tỷ lệ 80%): Làm 3 ngày/ tháng					48,000,000
	25 GV + 5 CD +2 BV(chia điều) bình quân : 1.440.000 đ/ tháng/người		32	1,500,000	1	48,000,000
II	Bộ phận gián tiếp (tỷ lệ 10%): Tính theo hệ số trách nhiệm 6,75)	Tháng	Tỷ lệ			6,000,000
	Hiệu trưởng		1.30	1,043,478	1	1,356,522
	P.Hiệu trưởng		1.15	1,043,478	1	1,200,000
	P.Hiệu trưởng		1.15	1,043,478	1	1,200,000
	Kế toán		1.15	1,043,478	1	1,200,000
	Thủ quỹ		1.00	1,043,478	1	1,043,478
III	Chi phí khác (tỷ lệ 10%)	Tháng				6,000,000
	Tiền tăng cường cơ sở vật chất, điện nước ..					6,000,000
Bảng tính giá dịch vụ bán trú						
1	Chi phí (I)+(II)+(III)					91,500,000
2	Tổng số học sinh					250
3	Mức giá dịch vụ thứ bảy/học sinh/tháng/3 ngày					366,000
Trong đó	Tiền ăn/học sinh/tháng/3 ngày					31,500,000
	Lương TT/học sinh/tháng/3 ngày					48,000,000
	Lương GT/học sinh/tháng/3 ngày					6,000,000

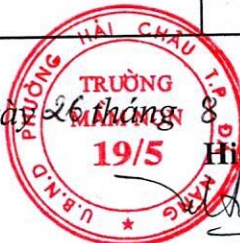
Tiền ăn : 126.000 đ / 3 ngày , Học phí thứ 7 : 240.000 đ/ 3 ngày

Hải Châu, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Kế toán

hlan

Nguyễn Thị Lan



Hiệu trưởng

Trần Thị Bích Trâm

Lê Thị Bích Trâm

BẢNG DỰ KIẾN MUA SẮM ĐỒ DÙNG BÁN TRÚ NĂM HỌC 2025-2026

Dự kiến số lớp học bán trú = 15

lớp

Dự kiến số học sinh học bán trú = 400

HS

Số HS cũ: 300 HS; Số HS mới: 100 cháu(NT: 70cháu , MG : 30 c

ĐVT: đồng

I/ Đồ dùng các nhân

a/ Đồ dùng học sinh cũ

Đồ dùng học sinh mới

STT	Tên hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tên hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khăn lau mặt nhà trẻ 2 cái/ năm(khăn mềm loại 1, kích thước 30cm x 40cm, 100% sợi cotton) có thêu ký hiệu	40	19,000	760,000	Khăn lau mặt nhà trẻ 2 cái/ năm(khăn mềm loại 1, kích thước 30cm x 40cm, 100% sợi cotton) có thêu ký hiệu	140	19,000	2,660,000
2	Khăn lau mặt mẫu giáo 2 cái năm (khăn mềm loại 1, kích thước 25cm x 25cm, 100% sợi cotton) có thêu ký hiệu	560	15,000	8,400,000	Khăn lau mặt mẫu giáo 2 cái năm (khăn mềm loại 1, kích thước 25cm x 25cm, 100% sợi cotton) có thêu ký hiệu	60	15,000	900,000
3	Ruột gối , bông cotton 100%, kích thước 30 cm x 40 cm)	300	22,000	6,600,000	Ruột gối (bông cotton 100%, kích thước 30 cm x 40 cm)	100	22,000	2,200,000
4	Vỏ gối (vải kate trắng loại 1, kích thước 30 cm x 40 cm)	300	26,000	7,800,000	Vỏ gối (vải kate trắng loại 1, kích thước 30 cm x 40 cm)	100	26,000	2,600,000
5	Yếm vải kate Trắng Lợi loại 1 , 02 lớp , kích thước 30 x40	20	35,000	700,000	Yếm vải kate Trắng Lợi loại 1 , 02 lớp , kích thước 30 x40	70	35,000	2,450,000
6	Bàn chải đánh răng Colgate dài 15 cm	280	8,000	2,240,000	Bàn chải đánh răng Colgate dài 15 cm	30	8,000	240,000
7	Kem đánh răng PS 200 g	280	12,000	3,360,000	Kem đánh răng PS 200 g, 2 cái /năm	30	12,000	360,000
8	Muỗng Inox loại 1, dài 15cm, 1 cái / học sinh mới		10,000	-	Muỗng Inox loại 1, dài 15cm	50	10,000	500,000
9	Khay inox trẻ ăn				Khay inox trẻ ăn	58	57,000	3,306,000
10	Khăn bàn			-	Khăn bàn	3	130,000	390,000
11	Mùng				Mùng (3 cái)	119	37,000	4,403,000
Cộng a				29,860,000	Cộng b			20,009,000
Mức thu đồ dùng cá nhân HS cũ: 100.000 đ/HS/năm học					Mức thu đồ dùng cá nhân HS mới : 200.000 đ/HS/năm học			

STT	Tên hàng hóa	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Khăn bàn	6	130,000	780,000
2	Xô inox	15	1,500,000	22,500,000
3	Cây lau nhà hoàn Mỹ	14	180,000	2,520,000
5	Thùng hoàn mỹ	12	65,000	780,000
6	Bông Hoàn Mỹ	8	65,000	520,000
7	Cây gạt nước	3	127,000	381,000
8	Chổi quét nước	8	95,000	760,000
9	Cây chùi toilet	14	30,000	420,000
10	Thảm chùi chân	36	45,000	1,620,000
11	Bàn chải giặt đồ	14	15,000	210,000
12	Thùng đựng rác lớn	2	175,000	350,000
13	Chổi quét nhà loại tốt	34	50,000	1,700,000
14	Khăn lau Tay	71	40,000	2,840,000
15	Ký xúc rác nhựa	7	30,000	210,000
16	Thau nhựa nhỏ	3	60,000	180,000
17	Thau nhựa lớn	6	75,000	450,000
18	Ca múc nước	8	35,000	280,000
19	Kệ inox đựng đồ vệ sinh	3	250,000	750,000
20	Kệ dép nhựa	4	150,000	600,000
21	Khăn tắm	32	40,000	1,280,000
22	Móc treo inox	7	75,000	525,000
23	Bô nhà trẻ	5	25,000	125,000
24	Lược	27	12,000	324,000
25	Xô nhựa	1	75,000	75,000
26	Cán lau Hoàn mỹ	1	65,000	65,000

40,245,000

Mức thu đồ dùng chung cá nhân HS : 100.000 đ/HS/năm học

III/ Tổng cộng số tiền cần trang bị đồ dùng bán trú:

đồng

Học sinh cũ = 200.000 đồng/năm học

Học sinh mới = 300.000 đồng/năm học

Kế toán

hlan

Nguyễn Thị Lan

Đà Nẵng, ngày 26 tháng 8 năm 2025

Hiệu trưởng



Lê Thị Bích Trâm
Lê Thị Bích Trâm

TRƯỜNG MN 19/5

**GIÁ DỊCH VỤ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA MÔN HỌA
NĂM HỌC 2025-2026**

I. Số liệu cơ bản:

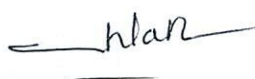
Tổng số học sinh học thêm môn hội họa: 260 HS
 Tổng số lớp học thêm môn hội họa: 10 Lớp
 Trong đó : Nhà trẻ: 0 Lớp; Mẫu giáo: 10 Lớp

ĐVT: đồng

II. Bảng thuyết minh:

Mục	Nội dung	ĐVT	Số tiết dạy định mức/ tháng	Số lớp (số hs)	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp (80%)					12,480,000
1	Chi phí nhân công trực tiếp giảng dạy: Trường hợp đồng Công ty TNHH MTV Aerobic Nam Phương					12,480,000
a	Giáo viên Việt Nam	tiết	8	10	156,000	12,480,000
II.	Chi phí chung: được tính 20% của chi phí trực tiếp					3,120,000
1	Chi phí cơ sở vật chất: 10%					1,560,000
	- Chi phí hỗ trợ điện nước, csvc ...					1,560,000
2	Chi phí bộ phận gián tiếp 10%					1,560,000
	- Công tác quản lý thu chi:					780,000
	Hiệu trưởng	tháng	1.3		135,652	176,348
	Hiệu phó	tháng	1.15		135,652	156,000
	Hiệu phó	tháng	1.15		135,652	156,000
	Kế toán	tháng	1.15		135,652	156,000
	Thủ quỹ	tháng	1.0		135,652	135,652
	Giáo viên chủ nhiệm lớp hỗ trợ giáo viên trung tâm	tháng		260	3,000	780,000
III	Bảng tính giá dịch vụ dạy thêm					
1	Chi phí (I)+(II)					15,600,000
2	Tổng số học sinh					260
3	Mức giá dịch vụ dạy thêm môn Hội họa/1 học sinh/tháng					60,000

Kế toán



Nguyễn Thị Lan



Hiệu trưởng

Lê Thị Bích Trâm



LỊCH DẠY VẼ
Trường Mầm Non 19/5

LỊCH DẠY CHIỀU THỨ 2 - CHIỀU THỨ 4 - CHIỀU THỨ 6

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT2	Tiết 1	Nhỡ 1	16h00 - 16h30	Đoàn Thị Thục Uyên
	Tiết 2	Lớn 4	16h30-17h00	
CT4	Tiết 1	Nhỡ 1	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 2	16h30-17h00	
CT6	Tiết 1	Lớn 4	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 2	16h30-17h00	

LỊCH DẠY CHIỀU THỨ 3 - CHIỀU THỨ 5 - CHIỀU THỨ 6

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT3	Tiết 1	Bé 2	16h00 - 16h30	Nguyễn Thị Huyền Trang
	Tiết 2	Lớn 1	16h30-17h00	
CT5	Tiết 1	Bé 3	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 1	16h30-17h00	
CT6	Tiết 1	Bé 2	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Bé 3	16h30-17h00	

LỊCH DẠY CHIỀU THỨ 3 - CHIỀU THỨ 5

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT3	Tiết 1	Nhỡ 3	16h00 - 16h30	Đoàn Thị Thục Uyên
	Tiết 2	Lớn 3	16h30-17h00	
CT5	Tiết 1	Nhỡ 3	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 3	16h30-17h00	

LỊCH DẠY CHIỀU THỨ 3 - CHIỀU THỨ 5

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT3	Tiết 1	Bé 1	16h00 - 16h30	Lê Thị Cẩm Thái
	Tiết 2	Nhỡ 2	16h30-17h00	
CT5	Tiết 1	Bé 1	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Nhỡ 2	16h30-17h00	



GIÁ DỊCH VỤ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA AEROBIC
NĂM HỌC 2025-2026

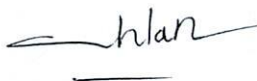
I. Số liệu cơ bản:

Tổng số học sinh học thêm môn Aerobic: 250 HS
Tổng số lớp học thêm môn Aerobic: 10 Lớp
Trong đó : Nhà trẻ: 0 Lớp; Mẫu giáo: 10 Lớp

II. Bảng thuyết minh: DVT: đồng

Mục	Nội dung	DVT	Số tiết dạy định mức/ tháng	Số lớp (số hs)	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp (80%)					12,000,000
1	Chi phí nhân công trực tiếp giảng dạy: Trường hợp đồng Công ty TNHH MTV Aerobic Nam Phương					12,000,000
a	Giáo viên Việt Nam	tiết	8	10	150,000	12,000,000
II.	Chi phí chung: được tính 20% của chi phí trực tiếp					3,000,000
1	Chi phí cơ sở vật chất: 10%					1,500,000
	- Chi phí hỗ trợ điện nước,csvc ...					1,500,000
2	Chi phí bộ phận gián tiếp 10%					1,500,000
	- Công tác quản lý thu chi, gv hỗ trợ lớp dạy:					750,000
	Hiệu trưởng	tháng	1.3		130,435	169,565
	Hiệu phó	tháng	1.15		130,435	150,000
	Hiệu phó	tháng	1.15		130,435	150,000
	Kế toán	tháng	1.15		130,435	150,000
	Thủ quỹ	tháng	1.0		130,435	130,435
	Giáo viên chủ nhiệm lớp hỗ trợ giáo viên trung tâm	tháng		250	3,000	750,000
III	Bảng tính giá dịch vụ dạy thêm					
1	Chi phí (I)+(II)					15,000,000
2	Tổng số học sinh					250
3	Mức giá dịch vụ dạy thêm môn Aerobic/1học sinh/tháng					60,000

Kế toán



Nguyễn Thị Lan



Hiệu trưởng

Lê Thị Bích Trâm



LỊCH DẠY THỂ DỤC NHỊP ĐIỆU (AEROBIC)

Trường Mầm Non 19/5

Lịch Dạy Chiều Thứ 2 - Chiều Thứ 4 - Chiều Thứ 6

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT2	Tiết 1	Bé 2	16h00 - 16h30	Trần Thị Ánh Nhung
	Tiết 2	Nhỡ 2	16h30-17h00	
CT4	Tiết 1	Bé 2	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 4	16h30-17h00	
CT6	Tiết 1	Nhỡ 2	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 4	16h30-17h00	

Lịch Dạy Chiều Thứ 2 - Chiều Thứ 4 - Chiều Thứ 6

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT2	Tiết 1	Bé 1	16h00 - 16h30	Nguyễn Thị Lệ Huyền
	Tiết 2	Nhỡ 3	16h30-17h00	
CT4	Tiết 1	Bé 1	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 3	16h30-17h00	
CT6	Tiết 1	Nhỡ 3	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 3	16h30-17h00	

Lịch Dạy Chiều Thứ 3 - Chiều Thứ 5

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT3	Tiết 1	Lớn 1	16h00 - 16h30	Trần Thị Ánh Nhung
	Tiết 2	Lớn 2	16h30-17h00	
CT5	Tiết 1	Lớn 1	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Lớn 2	16h30-17h00	

Lịch Dạy Chiều Thứ 2 - Chiều Thứ 4

Thứ	Tiết Dạy	Tên Lớp	Thời Gian	Tên Giáo Viên
CT2	Tiết 1	Bé 3	16h00 - 16h30	Lê Thị Cẩm Hương
	Tiết 2	Nhỡ 1	16h30-17h00	
CT4	Tiết 1	Bé 3	16h00 - 16h30	
	Tiết 2	Nhỡ 1	16h30-17h00	

**GIÁ DỊCH VỤ CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG NGOÀI GIỜ CHÍNH KHÓA MÔN ANH VĂN
NĂM HỌC 2025-2026**

I. Số liệu cơ bản:

Tổng số học sinh học thêm môn Anh văn: 250 HS
Tổng số lớp học thêm môn Anh văn: 10 Lớp
Trong đó : Nhà trẻ: 0 Lớp; Mẫu giáo: 10 Lớp

II. Bảng thuyết minh:

ĐVT: đồng

Mục	Nội dung	ĐVT	Số tiết dạy định mức/ tháng	Số lớp (số hs)	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp (80%)					12,000,000
1	Chi phí nhân công trực tiếp giảng dạy: <i>Trường hợp đồng Công ty TNHH MTV Aerobic Nam Phương (Giáo viên giảng dạy do TT điều hành)</i>					12,000,000
a	Giáo viên Việt Nam	tiết	8	10	150,000	12,000,000
II.	Chi phí chung: được tính 20% của chi phí trực tiếp					3,000,000
1	Chi phí cơ sở vật chất: 10%					1,500,000
	- Chi phí hỗ trợ điện nước, csvc ,...					1,500,000
2	Chi phí bộ phận gián tiếp 10%					1,500,000
	- Công tác quản lý thu chi, gv hỗ trợ lớp dạy:					750,000
	Hiệu trưởng	tháng	1.3		130,435	169,565
	Hiệu phó	tháng	1.15		130,435	150,000
	Hiệu phó	tháng	1.15		130,435	150,000
	Kế toán	tháng	1.15		130,435	150,000
	Thủ quỹ	tháng	1.0		130,435	130,435
	Giáo viên chủ nhiệm lớp hỗ trợ giáo viên trung tâm	tháng		250	3,000	750,000
III	Bảng tính giá dịch vụ dạy thêm					
1	Chi phí (I)+(II)					15,000,000
2	Tổng số học sinh					250
3	Mức giá dịch vụ dạy thêm môn Anh văn/1 học sinh/tháng					60,000

Kế toán



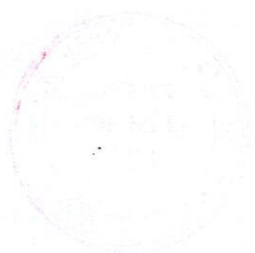
Nguyễn Thị Lan



Hiệu trưởng



Lê Thị Bích Trâm





**LỊCH DẠY BỘ MÔN TIẾNG ANH
TRƯỜNG MẦM NON 19/5**

LỊCH DẠY BUỔI CHIỀU THỨ 2 - CHIỀU THỨ 3 - CHIỀU THỨ 4 - CHIỀU THỨ 5

Thứ	Tiết Dạy	Thời Gian	Tên Lớp	Tên Giáo Viên
CT2	Tiết 1	16h00 - 16h30	Lớn 2	Nguyễn Thị Cẩm Vân
	Tiết 2	16h30-17h00	Lớn 3	
CT3	Tiết 1	16h00 - 16h30	Nhỡ 2	
	Tiết 2	16h30-17h00	Bé 3	
CT4	Tiết 1	16h00 - 16h30	Lớn 3	
	Tiết 2	16h30-17h00	Nhỡ 2	
CT5	Tiết 1	16h00 - 16h30	Lớn 2	
	Tiết 2	16h30-17h00	Bé 3	

**LỊCH DẠY BỘ MÔN TIẾNG ANH
TRƯỜNG MẦM NON 19/5**

LỊCH DẠY BUỔI CHIỀU THỨ 2 - CHIỀU THỨ 4 - CHIỀU THỨ 6

Thứ	Tiết Dạy	Thời Gian	Tên Lớp	Tên Giáo Viên
CT2	Tiết 1	16h00 - 16h30	Nhỡ 3	Trần Lê Bảo Ngân
	Tiết 2	16h30-17h00	Bé 2	
CT4	Tiết 1	16h00 - 16h30	Lớn 1	
	Tiết 2	16h30-17h00	Bé 2	
CT6	Tiết 1	16h00 - 16h30	Lớn 1	
	Tiết 2	16h30-17h00	Nhỡ 3	

**LỊCH DẠY BỘ MÔN TIẾNG ANH
TRƯỜNG MẦM NON 19/5**

LỊCH DẠY BUỔI CHIỀU THỨ 3 - CHIỀU THỨ 5 - CHIỀU THỨ 6

Thứ	Tiết Dạy	Thời Gian	Tên Lớp	Tên Giáo Viên
CT3	Tiết 1	16h00 - 16h30	Nhỡ 1	Ngô Thị Lợi
	Tiết 2	16h30-17h00	Lớn 4	
CT5	Tiết 1	16h00 - 16h30	Lớn 4	
	Tiết 2	16h30-17h00	Bé 1	
CT6	Tiết 1	16h00 - 16h30	Bé 1	
	Tiết 2	16h30-17h00	Nhỡ 1	

UBND PHƯỜNG HẢI CHÂU
TRƯỜNG MẦM NON 19/5

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN

Họp ban đại diện cha mẹ học sinh đầu năm
Năm học: 2025 -2026

Thời gian : Vào lúc 16h ngày 22 tháng 8 năm 2025
Tại : Văn phòng Trường Mầm non 19/5
Chủ tọa : Bà Lê Thị Bích Trâm (HT)
Thư ký : Bà Nguyễn Thị Ánh Hồng (Hội CMHS nhóm Nhỡ 1)
Thành phần:

Lãnh đạo nhà trường

1. Bà Lê Thị Bích Trâm - Hiệu trưởng
2. Bà Nguyễn Thị Thùy Phương - Phó hiệu trưởng
3. Bà Trần Nguyễn Ái Vy - Trưởng Ban thanh tra nhân dân
4. Bà Võ Thị Việt Hà - Chủ tịch công đoàn
5. Bà Nguyễn Thị Lan - Kế toán
6. Đại diện GV 15 nhóm/lớp

Ban đại diện cha mẹ học sinh nhà trường

1. Trưởng ban: Đoàn Thị Thu Thủy (Hội trưởng)
2. Cùng đại diện Hội Cha mẹ học sinh 15 nhóm lớp

A. NỘI DUNG

1. Báo cáo kết quả năm học 2024-2025 và kết quả công tác tuyển sinh năm học 2025-2026
2. Triển khai kế hoạch của nhà trường trong năm học 2025- 2026
3. Bầu ban đại diện phụ huynh học sinh trường.
4. Báo cáo dự kiến các khoản thu năm học 2025-2026
5. Ý kiến thảo luận

B. TRIỂN KHAI NỘI DUNG

I. BÁO CÁO KẾT QUẢ NĂM HỌC 2024-2025, CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM 2025-2026, CÔNG TÁC XÂY DỰNG CSVC CHUẨN BỊ CHO NĂM HỌC 2025-2026

1. Tổng số CBGVNV: 49

Trong đó: BGH 3; GV: 33; NV: 13

2. Kết quả đạt được của trường năm học 2024 - 2025

a) Tập thể:

- 100% các nhóm lớp đạt mục tiêu các độ tuổi từ 96-100% ở các lĩnh vực phát triển. Thực hiện hiệu quả chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm”.
- Trường đạt Giải Nhất cấp quận và thành phố Hội thi thiết kế môi trường giáo dục phát huy tính tích cực cho trẻ.
- Đạt Giải Nhất cấp quận và giải ba cấp thành phố Hội thi cờ vua mầm non
- Đạt Giải Nhì toàn đoàn Hội thi thể thao khiêu vũ nhà giáo
- Giải Ba hội thi trình diễn áo truyền thống tại Lễ hội Đình làng Hải Châu do quận tổ chức
- Tập thể Lao động tiên tiến năm học 2024-2025
- Chi bộ “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” năm 2024
- Chi bộ được Đảng bộ phường Hải Châu khen tặng đã có thành tích xuất sắc trong 10 năm thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” giai đoạn 2016-2025.
- Công đoàn đã có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm học 2024-2025
- Chi đoàn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024

b) Cá nhân:

- 01 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ 5 năm liền từ 2020-2024 (cô Thùy Phương)
- 04 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2024 (cô Thủy, Thùy Phương, Trần Trang, Hạnh)
- Có 01 CBQL nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (cô Thủy)
- Có 01 cá nhân được Liên đoàn Lao động quận khen tặng có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh năm học 2024-2025 (Cô Việt Hà)
- Có 49/49 cá nhân đạt LĐTT, 22 cá nhân đạt CSTĐCS năm học 2024-2025, 10 cá nhân đạt Giấy khen của chủ tịch UBND quận Hải Châu về hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm học 2024-2025, 01 cá nhân đạt BKTTCP, 01 cá nhân được đề nghị Bằng khen của UBNDTP năm học 2024-2025.
- Thực hiện mô hình “Yêu thương và sẻ chia” (từ tháng 9/2024-7/2025): 103.017.000đ.

3. Công tác tuyển sinh năm học 2025-2026

Theo kế hoạch được giao 410 cháu, tuyển sinh 415 cháu. Tỷ lệ tuyển sinh đạt 100%. Có 15 nhóm lớp: trong đó có 5 nhóm trẻ, 10 lớp Mẫu giáo (3 MG Bé; 3 MG Nhỡ; 4 MG Lớn).

4. Cơ sở vật chất chuẩn bị cho năm học 2025-2026

- Phòng học: Nhà trường trang bị đầy đủ 15 lớp học kiên cố cho 15 nhóm lớp.
- Phòng bộ môn: Nhà trường có 01 tin học, 01 phòng nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất và đầy đủ các phòng chức năng phục vụ công tác nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.
- Thiết bị dạy học:
 - + Có các thiết bị nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục và thiết bị vui chơi cho trẻ mầm non.
 - + Lên kế hoạch sơn sửa thiết bị, đồ chơi, tổng vệ sinh môi trường chuẩn bị cho năm học mới.
 - Nhà trường được đầu tư nâng cấp, cải tạo, sửa chữa trong dịp hè 2025 một số nội dung theo QĐ 824/QĐ-UBND ngày 21/2/2025 của UBND quận Hải Châu do công ty TNHH Phan Ngọc Wood thi công:
 - + Bổ sung vách kính khung thép cầu thang vị trí trục 1-2/A tầng 3 lên tầng 4
 - + Bổ sung vách kính bố trí mới phòng kho thực phẩm khu bếp.
 - + Bổ sung bơm tăng áp cấp nước tầng tum tầng tum.
 - + Bổ sung thoát nước ngoài nhà s=664,3m².
 - + Tháo dỡ, lát lại gạch sân hành lang sau phòng thể chất 12m² bằng gạch granite 600x600mm.
 - + Bổ sung mái che sân chơi ngoài trời cho trẻ 114,8m².
 - + Chống thấm sàn mái khối số 1,2- 3 tầng
 - + Bổ sung lan can tầng mái khối số 1,2- 3 tầng
 - + Lát gạch sân mái khối số 1,2- 3 tầng
 - + Bổ sung phòng máy giặt + phòng kho chuyên môn khu vực tầng mái khối số 2- 3 tầng (Hệ vách khung thép kết hợp kính cường lực; Khung vì kèo, xà gồ thép hộp
- Thay mới xừng hấp cơm, tủ đựng sữa

- Trang bị tài liệu chuyên môn, đồ dùng đồ dùng bán trú, đồ chơi cho các nhóm lớp.

II. KẾ HOẠCH NHÀ TRƯỜNG TRONG NĂM HỌC 2025 -2026

- Thực hiện CSGD trẻ theo Chương trình GDMN do Bộ GD&ĐT quy định (Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT). Ứng dụng các phương pháp dạy học tiên tiến, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục phù hợp với độ tuổi (Steam, Stem, Montessori, Steiner, Reggio Emilia, Glenn Doman).

- Tiếp tục thực hiện chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm giai đoạn 2021-2025” với chủ đề “Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ”. Thực hiện chế độ sinh hoạt một ngày của trẻ phù hợp với độ tuổi, tạo điều kiện cho trẻ được trải nghiệm, tìm tòi, khám phá môi trường xung quanh dưới nhiều hình thức đa dạng, đáp ứng nhu cầu, hứng thú của trẻ theo phương châm “chơi mà học, học mà chơi”, không dạy trước Chương trình lớp 1 cho trẻ 5 tuổi.

- Tổ chức các hoạt động vui chơi, trải nghiệm, thực hành, rèn luyện kỹ năng sống thông qua các hoạt động lễ hội và hoạt động dã ngoại cho trẻ. Vận dụng yogakids vào các hoạt động học, vui chơi phù hợp với độ tuổi.

- Tổ chức Khai giảng, Vui hội Trung thu, ngày NGVN 20/11, văn nghệ mừng Xuân 2024, ngày giải phòng Đà Nẵng, mừng sinh nhật Bác Hồ và ngày truyền thống trường 19/5. Các hoạt động vui hội theo khối. Các hoạt động có sự tham gia của CMHS của lớp, khối.

- Tổ chức Hội nghị VC-NLĐ năm học 2025-2026

- Kế hoạch cải tạo cơ sở vật chất:

+ CBGVNV tiếp tục xây dựng môi trường giáo dục trong và ngoài lớp học, chuẩn bị các điều kiện cho năm học mới 2025-2026.

+ Các khối lớp đã gửi tổng hợp đề xuất đồ dùng đồ chơi chuyên môn và bán trú theo nhu cầu để trường xây dựng kế hoạch trang bị cho năm học mới

+ Ngày 19/8/2024 nhà trường đã nhận quyết định 1785/QĐ-UBND của UBND thành phố Đà Nẵng về Dự án mở rộng cải tạo trường Mầm non 19/5 trong năm học 2024-2026: Dự kiến khởi công và bàn giao vào Quý II/2026.

+ Mua sắm các trang thiết bị theo hướng chuẩn hiện đại theo Đề án của UBND quận đã phê duyệt: Màn hình led, tivi, màn hình cảm ứng

+ Đề xuất xin kinh phí làm vườn rau thủy cảnh

- Công tác kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 được thực hiện vào học kì II năm học 2025-2026.

*** NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ CỦA CÁC CHÁU TRONG NĂM HỌC 2025-2026**

1. Các ngày sinh hoạt lễ hội theo chủ đề trong năm

- Ngày hội Bé vui đến trường
- Vui hội Trung
- Ngày Nhà giáo Việt Nam - Bé và mùa xuân
- Ngày Hội của bà, mẹ và cô giáo
- Ngày giải phóng thành phố Đà Nẵng
- Ngày sinh nhật Bác Hồ và ngày truyền thống trường MN 19/5

2. Hội thi cấp phường - thành phố: Hiện chưa có kế hoạch cụ thể

III. THÔNG QUA DANH SÁCH BAN ĐẠI DIỆN PHỤ HUYNH HỌC SINH NĂM HỌC 2025- 2026

Đại diện hội CMHS nhất trí bầu ban ĐD hội CMHS trường Mầm non 19/5 năm học 2024-2025 như sau:

Ban đại diện CMHS trường

Hội trưởng: Bà Đoàn Thị Ngọc Thủy 0903.573.367

Hội phó: Ông Nguyễn Văn Duy 0906.494.173

Ủy viên:

- Bà Thanh Mai (Nhớ 3)
- Ông Đỗ Thanh Tùng (Nhóm nhớ 3)
- Bà Nguyễn Thị Hoàng Lan (Nhóm nhớ 1)

IV. CÁC KHOẢN THU ĐẦU NĂM HỌC 2025-2026

Các khoản thu xây dựng và thực hiện theo quy định của Nghị quyết 98/2022/NQ-HĐND ngày 16/12/2022

1. Tiền ăn và phụ phí, phục vụ bán trú, học phí thứ 7, năng khiếu: Trung bình mỗi tháng học 22 ngày (không tính thứ 7)

a) Tiền ăn: 42.000 đ/ngày/trẻ x 22 ngày = 924.000đ (Trẻ nghỉ học sẽ được khấu trừ qua tiền ăn tháng sau)

b) Phụ phí (ga, điện, nước): 4.000đ/ngày/trẻ x 22 ngày = 88.000đ/trẻ/tháng (Không được khấu trừ lại nếu nghỉ học)

c) Phục vụ bán trú: 276.000 đồng/1 tháng/trẻ.

d) Tiền lương chi trả nhân viên nấu ăn: 129.000đ/trẻ/tháng

e) Học phí thứ 7:

- 80.000 đồng/ngày/trẻ (1 tháng học 3 thứ 7, 3 ngày x 80.000đ = 240.000đ).

- Tiền ăn: 3 ngày x 42.000đ = 126.000đ

Tổng thu không học thứ 7: 1.417.000đ

Tổng thu có học thứ 7: 1.783.000đ

g) Đồ dùng bán trú (mức tối đa)

- Học sinh mới: 300.000đ

- Học sinh cũ: 200.000 đ

h) Năng khiếu Họa, Aerobic, làm quen Tiếng Anh: 60.000đ/môn/tháng (Tổ chức dạy theo nhu cầu đăng kí của phụ huynh).

k) Các hoạt động vui chơi, tham quan du lịch, ngoài giờ lên lớp, giáo dục kỹ năng sống, giao lưu văn hóa và các hoạt động khác phù hợp với tâm lý trẻ và học sinh: Không quá 300.000đ/trẻ/hoạt động.

2. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh

Thực hiện theo Điều 10 của Thông tư số 55/2011/TT/BGDĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc Ban hành Điều lệ Ban đại diện CMHS như sau:

1. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh:

a) Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp có được từ sự ủng hộ tự nguyện của cha mẹ học sinh và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp.

b) Kinh phí hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh trường được trích từ kinh phí hoạt động của các Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp theo khuyến nghị của cuộc họp toàn thể các trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp đầu năm học và nguồn tài trợ hợp pháp khác cho Ban đại diện học sinh trường.

2. Quản lý và sử dụng kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh:

a) Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp chủ trì phối hợp với giáo viên chủ nhiệm lớp dự kiến kế hoạch chi tiêu kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi đã được toàn thể các thành viên Ban đại diện cha mẹ học sinh lớp thống nhất ý kiến;

b) Trưởng ban Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất với Hiệu trưởng để quyết định kế hoạch sử dụng kinh phí được ủng hộ, tài trợ và chỉ sử dụng sau khi được toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường thống nhất ý kiến.

3. Việc thu, chi kinh phí của Ban đại diện cha mẹ học sinh phải bảo đảm nguyên tắc công khai, dân chủ; sau khi chi tiêu phải báo cáo công khai quyết toán kinh phí tại các cuộc họp toàn thể cha mẹ học sinh lớp và các cuộc họp toàn thể Ban đại diện cha mẹ học sinh trường. Không qui định mức kinh phí ủng hộ bình quân cho các cha mẹ học sinh.

4. Ban đại diện cha mẹ học sinh không được quyền góp của người học hoặc gia đình người học:

a) Các khoản ủng hộ không theo nguyên tắc tự nguyện.

b) Các khoản ủng hộ không phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ban đại diện cha mẹ học sinh: Bảo vệ cơ sở vật chất của nhà trường, bảo đảm an ninh nhà trường; trông coi phương tiện tham gia giao thông của học sinh; vệ sinh lớp học, vệ sinh trường; khen thưởng cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên nhà trường; mua sắm máy móc, trang thiết bị, đồ dùng dạy học cho trường, lớp học hoặc cho cán bộ quản lý, giáo viên và nhân viên nhà trường; hỗ trợ công tác quản lý, tổ chức dạy học và các hoạt động giáo dục; sửa chữa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình của nhà trường.

Ghi chú:

- Ngoài các khoản thu theo quy định, nhà trường, GV và hội CMHS lớp tuyệt đối không thu bất kỳ khoản nào.

- Đồ dùng học tập của trẻ, CMHS sẽ nộp theo yêu cầu chuyên môn của giáo viên lớp đầu năm học được BGH kiểm tra, phê duyệt trước khi thông báo cho PH.

3. Hợp đồng các công ty

Năm học 2025 – 2026, nhà trường tiếp tục ký kết hợp đồng thực phẩm với công ty Ngon Sạch Bỏ đảm bảo uy tín, chất lượng. Ngoài ra, tiếp tục ký hợp đồng sữa với các công ty: Nutrifood, sữa Ellac, sữa chua Nutrifood, Yakul, tàu hủ CoVang

V. MỘT SỐ THÔNG BÁO VỚI CMHS NĂM HỌC 2025- 2026

- Để đảm bảo trật tự ATGT trước cổng trường và rèn trẻ tính tự tin mạnh dạn nhà trường đề nghị để các cháu MG Nhỡ, Lớn tự đi vào lớp (có hướng dẫn của GV).

- Mọi ý kiến góp ý cho nhà trường xin đề nghị CMHS gửi qua hộp thư, qua số điện thoại 0888138668 (cô Trâm - HT), 0352844611 (cô Thủy – PHT phụ trách giáo dục), 0905006401 (cô Thùy Phương - PHT phụ trách chăm sóc, nuôi dưỡng) hoặc trao đổi trực tiếp BGH nhà trường theo lịch tiếp dân tại văn phòng.

- Những lưu ý với CMHS

+ CMHS đưa con đi học đúng giờ

+ Trẻ đến lớp trước 7h30 để đảm bảo giờ ăn sáng và hoạt động chung

+ Trả trẻ từ 16h - 17h. Vị trí của trường nằm trong khu vực có 3 trường học nên lưu lượng học sinh ra về rất đông, xe cộ hay tắc nghẽn, đề nghị PH cho xe trên vỉa hè khi vào đón con và vui lòng ra về liền.

+ Lưu ý trang phục phụ huynh khi đưa con đến trường lịch sự.

VI. Ý KIẾN THẢO LUẬN

- Phụ huynh Lớn 1: Thông nhất các khoản thu theo quy định của Nghị quyết 98. Đề nghị bầu ban đại diện CMHS trường có thêm các anh nam.

- Phụ huynh Nhỏ 2: Cảm ơn các cô đã chăm sóc, dạy dỗ các con rất chu đáo. Tuy nhiên khu vực bên trái của trường hơi nhiều dãi hạ và hơi tối nên đề nghị trường dọn dẹp thêm và thêm bóng đèn.

KẾT LUẬN

- Cô Hiệu trưởng thay mặt tập thể CBGVNV, nhà trường chân thành cảm ơn các ý kiến đóng góp của phụ huynh, mong phụ huynh tiếp tục hỗ trợ trường làm tốt công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trong năm học mới.

- Phê duyệt giá dịch vụ theo mức quy định của Nghị quyết 98/NQ-HĐND nên nhà trường phải thực hiện đúng theo quy định.

- Việc xây dựng và sửa chữa trường vẫn chưa được bàn giao, góc trái sẽ dọn dẹp và sẽ có thêm đèn

- Việc tổ chức các hoạt động dã ngoại cần phải xây dựng kế hoạch từ đầu năm, được sự phê duyệt của PGD&ĐT quận, các nội dung được tham quan dã ngoại phù hợp với lứa tuổi và PH đi cùng hỗ trợ quản lý cháu là việc rất thiết thực, nhà trường sẽ lưu ý nếu có tổ chức.

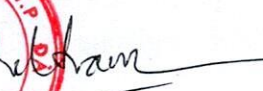
- Nhà trường cam kết thực hiện nghiêm túc chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con, đảm bảo tuyệt đối an toàn vệ sinh thực phẩm, thường xuyên vệ sinh, tiệt trùng các dụng cụ vệ sinh cá nhân của các con.

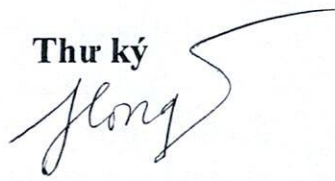
- Năm nay nhà trường thực hiện chủ đề “Kỷ cương, trách nhiệm, đổi mới và sáng tạo, nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ” trong kế hoạch nhà trường đã xây dựng và đưa vào các hoạt động lễ hội, ngoại khóa, các hội thi nhằm đảm bảo 100% các cháu được tham gia, các hoạt động có sự phối hợp, tham gia của CMHS, rất mong các ba mẹ tham gia tích cực cùng nhà trường, giáo viên và các con.

100% thành viên của Ban đại diện phụ huynh thống nhất các khoản thu đầu năm, tiền thứ 7, bán trú năm học 2025-2026 như nhà trường đã xây dựng.

Biên bản cuộc họp được thông qua. Ban đại diện cha mẹ học sinh trường sẽ gửi biên bản nội dung cuộc họp đến Ban đại diện phụ huynh lớp để triển khai trong buổi họp phụ huynh lớp đầu năm.

Buổi họp kết thúc lúc 17h30 giờ cùng ngày.

 **Hiệu trưởng**

Lê Thị Bích Trâm

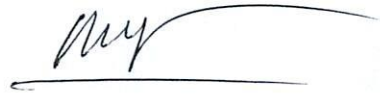
Thư ký

Nguyễn Thị Ánh Hồng

ĐẠI DIỆN HỘI CHA MẸ HỌC SINH

Hội trưởng

P. Hội trưởng


Đoàn Thị Thu Thủy


Nguyễn Văn Duy

ĐẠI DIỆN PHỤ HUYNH CÁC NHÓM LỚP

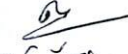
Nhóm Nhỡ 1

Nhóm Nhỡ 2

Nhóm nhỡ 3


Nguyễn Thị Hoàng Lan.


Phan Thị Huyền Trang


Đỗ Thanh Bưởi

Nhóm Lớn 1

Nhóm Lớn 2


Vũ Thị Lệ Uyên

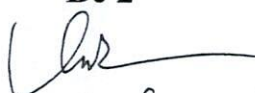

Trần Văn Khương

Bé 1

Bé 2

Bé 3


Vũ Thùy Dương


Thanh Thị Linh


Nguyễn Minh Hằng.

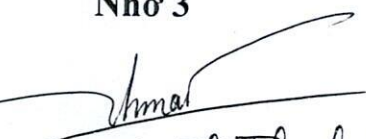
Nhỡ 1

Nhỡ 2

Nhỡ 3


Nguyễn Thị Anh Hồng


Hoàng Thị Thu Hiền

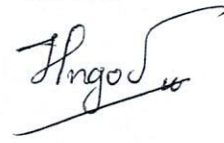

Dương Thị Thanh Mai

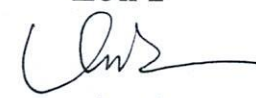
Lớn 1

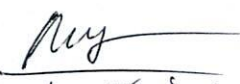
Lớn 2

Lớn 3

Lớn 4


Nguyễn Thị Hải Ngọc


Thanh Thị Linh


Nguyễn Văn Duy


T.T.T. Thủy